TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;

Ông Phan Văn Cường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2018, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trang Đ, sinh năm 1992; thường trú: 99C/12 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1988; thường trú: 99C/12 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132/KH/2012, quyển số 02 ngày 13/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại 99C/12 khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh

Phạm Ngọc T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, không chịu đi làm để phụ giúp chị kinh tế lo cho gia đình. Chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị Đ xác định cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 con chung Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 20/02/2013. Sau khi ly hôn, chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Trang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý yêu cầu anh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trang Đ. Tuy nhiên, anh Phạm Ngọc T không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh Phạm Ngọc T tham gia hòa giải nhưng anh vắng mặt không có lý do. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Trang Đ không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh Phạm Ngọc T tham gia phiên tòa vào ngày 03/8/2018 và ngày 31/8/2018 nhưng anh Phạm Ngọc T vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T do Tòa án tiến hành ngày 12/7/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, chị Đ không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T tham gia phiên tòa vào các ngày 03/8/2018 và ngày 31/8/2018, anh T vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị Trang Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Phạm Ngọc T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/KH/2012, quyển số 02, cấp ngày 13/9/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ cho rằng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, chị Đ đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi cách giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả.

[3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tòa án đã triệu chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Phạm Ngọc T để hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng anh Trai không đến nên không thể hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của anh chị được. Nay chị Đ xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Trai là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Đ, anh T có 01 con chung Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 20/02/2013. Sau khi ly hôn, chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Trang Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trang Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang Đ được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Buộc anh Phạm Ngọc T có nghĩa vụ giao con chung Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 20/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Trang Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Trang Đ không yêu cầu anh Phạm Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Phạm Ngọc T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Trang Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trang Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đài đã nộp theo biên lai số 0019166 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND phường B (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền